TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 148/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 27-6-2024 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Phạm Công T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn L, xã Ng, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 3, khu M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công T và chị Ngô Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 23-10-2012, nên hôn nhân của anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh T và chị H về chung sống tại nhà bố mẹ chị H ở tổ 3, khu M, phường Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh T và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Anh T và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh T và chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc anh T và chị H thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị H có 01 *(một)* con chung là Phạm Công Gia B, sinh ngày 17-11-2014. Hiện nay cháu B có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh T và chị H thỏa thuận giao con chung là Phạm Công Gia B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Công Gia B là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7-2024 cho đến khi con chung thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H thỏa thuận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa anh T và chị H là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị H thỏa thuận chị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 05-7-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Công T và chị Ngô Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị H có 01 *(một)* con chung là Phạm Công Gia B, sinh ngày 17-11-2014. Hiện nay cháu B có sức khỏe bình thường. Ly hôn, anh T và chị H thỏa thuận giao con chung là Phạm Công Gia B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Công Gia B là 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7-2024 cho đến khi con chung thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị H thỏa thuận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh T và chị H thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị H thỏa thuận chị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị H đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001002 ngày 27-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. H;
- UBND phường Đ, TP. H, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga